

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH
CÔNG TY CỔ PHẦN

-----☪ * ☪-----

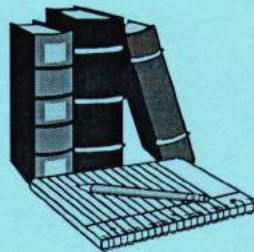


CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

-----☪ * ☪-----

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4/2018

-----☪ * ☪-----



Nơi nhận:

Bình Định, ngày 28 tháng 01 năm 2019

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Bảng cân đối kế toán hợp nhất	2-5
3. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất	6
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	7-8
5. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	9-37

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Mẫu B 01 - DN/HN(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ 31/12/2018	Số đầu năm 01/01/2018
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		240.635.829.565	168.347.955.106
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V. 1	24.867.048.278	3.759.691.314
1. Tiền	111		24.867.048.278	3.759.691.314
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		17.455.762.191	14.400.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V. 2a	17.455.762.191	14.400.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		131.737.301.050	81.150.149.459
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V. 3	57.305.813.326	61.547.471.807
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V. 4	63.421.718.250	19.060.175.060
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		12.380.000.000	3.250.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V. 5	4.945.175.948	1.194.780.681
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V. 7	(6.315.406.474)	(3.902.278.089)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
IV. Hàng tồn kho	140	V. 6	64.052.438.914	64.810.976.082
1. Hàng tồn kho	141		64.052.438.914	64.810.976.082
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.523.279.132	4.227.138.251
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V. 12	563.505.503	160.938.010
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.959.773.629	4.065.170.736
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V. 16	-	1.029.505
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ 31/12/2018	Số đầu năm 01/01/2018
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		373.161.634.911	351.464.259.280
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.000.000	3.927.080.660
6. Phải thu dài hạn khác	216	V. 5	3.000.000	3.927.080.660
II. Tài sản cố định	220		100.268.456.755	95.314.027.563
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V. 9	85.588.432.695	83.137.105.627
<i>Nguyên giá</i>	222		173.407.144.889	145.047.659.645
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(87.818.712.194)	(61.910.554.018)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V. 10	14.680.024.060	12.176.921.936
<i>Nguyên giá</i>	228		16.970.834.944	13.661.264.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(2.290.810.884)	(1.484.342.064)
III. Bất động sản đầu tư	230	V. 11	47.598.421.703	47.219.535.664
<i>Nguyên giá</i>	231		88.554.410.015	84.632.129.355
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(40.955.988.312)	(37.412.593.691)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		26.704.488.635	6.184.132.154
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		24.686.494.444	5.303.005.145
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V. 8b	2.017.994.191	881.127.009
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		184.713.931.855	189.812.409.887
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V. 2b	178.146.217.832	183.244.695.864
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V. 2b	7.451.619.996	7.451.619.996
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(883.905.973)	(883.905.973)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI. Tài sản dài hạn khác	260		13.873.335.963	9.007.073.352
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V. 12	10.317.233.076	6.636.886.739
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		2.370.186.613	2.370.186.613
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		1.185.916.274	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		613.797.464.476	519.812.214.386



TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ 31/12/2018	Số đầu năm 01/01/2018
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		246.437.612.626	169.674.025.315
I. Nợ ngắn hạn	310		169.774.878.348	94.616.431.571
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V. 14	19.306.606.410	17.173.112.849
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V. 15	6.627.731.480	3.348.026.482
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V. 16	3.114.553.677	2.880.036.433
4. Phải trả người lao động	314		6.504.158.791	6.383.592.179
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V. 17	1.350.194.057	1.737.092.489
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V. 20a	6.612.219.028	5.311.692.451
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V. 18	4.937.414.790	2.018.727.842
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V. 13	119.141.505.140	55.074.161.885
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V. 19	2.180.494.975	689.988.961
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	324			
II. Nợ dài hạn	330		76.662.734.278	75.057.593.744
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V. 20b	66.655.353.566	63.254.213.032
7. Phải trả dài hạn khác	337		4.928.380.712	4.928.380.712
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V. 13	5.079.000.000	6.875.000.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		-	-



TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ 31/12/2018	Số đầu năm 01/01/2018
D. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		367.359.851.850	350.138.189.071
I. Vốn chủ sở hữu	410		367.359.851.850	350.138.189.071
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V. 21	275.000.000.000	275.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		275.000.000.000	275.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V. 21	522.569.600	522.569.600
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	V. 21	-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	V. 21	25.159.979.375	26.643.649.201
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V. 21	12.703.335.540	12.703.335.540
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V. 21	35.110.496.748	29.206.539.301
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		2.288.751.947	7.854.498.004
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		32.821.744.801	21.352.041.297
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429	V. 22	18.863.470.587	6.062.095.429
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		613.797.464.476	519.812.214.386

Bình Định, ngày 28 tháng 01 năm 2019


Nguyễn Ngọc Minh
Kế toán tổng hợp

Nguyễn Hoàng Lam
Kế toán trưởngĐông Thị Ánh
Tổng giám đốc

Mẫu B 02 - DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

Từ ngày 01/01/2018 -> 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 4		Lũy kế từ đầu năm đến cuối Quý	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
			Từ 01/10/2018 -> 31/12/2018	Từ 01/10/2017 -> 31/12/2017	Từ 01/01/2018 -> 31/12/2018	Từ 01/01/2017 -> 31/12/2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		154.672.407.948	79.783.983.349	571.579.920.247	423.785.270.624
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02				-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI. 1	154.672.407.948	79.783.983.349	571.579.920.247	423.785.270.624
4. Giá vốn hàng bán	11	VI. 2	119.237.955.696	59.950.275.488	464.698.499.777	354.955.148.481
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		35.434.452.252	19.833.707.861	106.881.420.470	68.830.122.143
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI. 3	635.421.045	494.806.295	5.323.816.897	2.807.679.246
7. Chi phí tài chính	22	VI. 4	1.791.647.578	1.613.834.521	5.142.041.551	3.805.142.373
Trong đó: chi phí lãi vay	23		1.497.648.472	677.599.840	4.343.303.415	2.234.556.704
8. Phần lãi/lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	24	VI. 7	4.057.653.150	(260.329.070)	6.941.686.372	3.761.705.560
9. Chi phí bán hàng	25		12.416.232.023	4.656.682.564	40.331.062.725	17.599.917.356
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		7.332.555.343	7.807.612.361	27.659.769.201	27.485.050.491
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		18.587.091.503	5.990.055.640	46.014.050.262	26.509.396.729
12. Thu nhập khác	31	VI. 5	553.626.357	5.692.099.887	1.291.392.880	5.778.325.351
13. Chi phí khác	32	VI. 6	704.907.529	401.842.308	1.170.433.426	859.091.221
14. Lợi nhuận khác	40		(151.281.172)	5.290.257.579	120.959.454	4.919.234.130
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		18.435.810.331	11.280.313.219	46.135.009.716	31.428.630.859
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI. 8	3.096.507.056	2.684.665.054	7.598.915.930	6.252.156.960
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52			(73.020.351)	-	(292.081.406)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		15.339.303.275	8.668.668.516	38.536.093.786	25.468.555.305
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	61	VI. 9	351.975.951	488.823.769	3.395.165.048	1.513.957.826
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông cty mẹ	62		14.987.327.324	8.179.844.747	35.140.928.738	23.954.597.479
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI. 10	545	269	1.278	755
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI. 10	545	269	1.278	755

Bình Định, ngày 28 tháng 01 năm 2019



Nguyễn Ngọc Minh
Kế toán tổng hợp



Nguyễn Hoàng Lam
Kế toán trưởng



Đông Thị Ánh
Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Mẫu B 03 - DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**(Từ 01/01/2018 -> 31/12/2018)**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2018 -> 31/12/2018	Từ 01/01/2017 -> 31/12/2017
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		46.135.009.716	31.428.630.859
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	VII. 1	13.283.835.824	12.791.129.913
- Các khoản dự phòng	03		(272.835.001)	1.170.463.875
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		222.273.329	47.472.696
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VII. 2	(11.232.967.139)	(11.476.063.418)
- Chi phí lãi vay	06		4.343.303.415	2.234.556.704
- Các khoản điều chỉnh khác	07			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		52.478.620.144	36.196.190.629
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(33.056.391.320)	(22.495.510.793)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(18.721.797.391)	(6.885.712.451)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, Thuế TNDN phải nộp)	11		9.981.649.487	2.134.689.244
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(5.268.830.104)	(745.380.328)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			
- Tiền lãi vay đã trả	14		(4.269.123.670)	(2.228.944.948)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(6.253.534.131)	(4.879.275.961)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		131.131.347	199.874.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(4.757.160.476)	(9.863.513.219)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(9.735.436.114)	(8.567.583.827)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(1.250.677.558)	(10.871.362.412)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		346.363.636	9.090.909
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(38.435.762.191)	(27.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		26.250.000.000	38.950.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(1.420.000.000)	(15.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		8.045.728.736	7.934.119.966
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(6.464.347.377)	9.006.848.463

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2018 -> 31/12/2018	Từ 01/01/2017 -> 31/12/2017
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	VII. 3	322.591.329.433	269.089.982.072
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	VII. 4	(260.291.019.493)	(265.750.660.563)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu và CĐTS	36		(24.955.750.000)	(19.893.750.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		37.344.559.940	(16.554.428.491)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		21.144.776.449	(16.115.163.855)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		3.759.691.314	19.875.119.663
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ			(37.419.485)	(264.494)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		24.867.048.278	3.759.691.314

Bình Định, ngày 28 tháng 01 năm 2019



Nguyễn Ngọc Minh
Kế toán tổng hợp



Nguyễn Hoàng Lam
Kế toán trưởng



Đông Thị Ánh
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức vốn chủ sở hữu: Công ty cổ phần

Tổng công ty PISICO Bình Định - Công ty cổ phần (viết tắt là PISICO) tiền thân là Tổng công ty Sản Xuất Đầu Tư Dịch Vụ Xuất Nhập Khẩu Bình Định là Công ty TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu được thành lập theo Quyết định số 265/QĐ-UBND ngày 23/6/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100258987 do Sở Kế hoạch & Đầu tư Bình Định cấp lần đầu ngày 01/9/2010.

Ngày 17/10/2013, UBND tỉnh Bình Định ban hành Quyết định số 3065/QĐ-UBND, về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa chuyên Tổng công ty Sản Xuất Đầu tư Dịch Vụ XNK Bình Định thành Tổng công ty PISICO Bình Định - Công ty cổ phần.

Tổng Công ty PISICO Bình Định - Công ty Cổ phần chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần kể từ ngày 27/01/2014 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 4100258987 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp đăng ký thay đổi lần thứ 3 vào ngày 27 tháng 01 năm 2014 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi sau đó.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty PISICO Bình Định - Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 3 đến lần đăng ký thay đổi lần thứ 7 là 275.000.000.000 đồng, được chia thành 27.500.000 cổ phần có mệnh giá 10.000 đồng.

Trụ sở chính của PISICO đặt tại 99 Tây Sơn, thành phố Quy Nhơn, Bình Định

2. Lĩnh vực và ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ; Chế biến lâm sản; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Khai thác gỗ và khai thác lâm sản khác; Tư vấn thiết kế công trình lâm sinh; Kinh doanh truyền hình cáp; Kinh doanh dịch vụ cảng biển, dịch vụ giao nhận hàng hóa; Dịch vụ cho thuê kho, bãi, bảo quản hàng hóa; Khách sạn; Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống; Sản xuất các loại bao bì, sản phẩm tiêu dùng từ chất dẻo; Đầu tư hạ tầng; Kinh doanh bất động sản; Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; Xây dựng công trình kỹ thuật hạ tầng; Kinh doanh nguyên liệu giấy; Khai thác, chế biến và mua bán hàng nông, lâm, thủy sản; Sản xuất và mua bán hàng công nghiệp thực phẩm, thức ăn chăn nuôi, may mặc, giày da; Mua bán máy móc, thiết bị, vật tư, nguyên phụ liệu ngành nông, lâm, thủy sản và vật liệu xây dựng; Mua bán máy móc, phương tiện vận tải, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, xăng dầu; Kinh doanh truyền hình cáp và vật tư, thiết bị viễn thông; Thăm dò, khai thác, chế biến, mua bán tài nguyên khoáng sản các loại; Đầu tư tài chính vào các doanh nghiệp.

3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tên Công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
a. Công ty con				
Công ty CP DV PT Hạ tầng	Phường Nhơn Bình,	15.000.000.000	70,83%	70,83%
Cty TNHH MTV truyền hình Cấp Quy Nhơn	198 Trần Hưng Đạo, Tp.Quy Nhơn	10.000.000.000	100%	100,00%
Công ty TNHH Nguyên liệu giấy Quy Nhơn	Đường số 10, KCN Phú Tài, Tp.Quy Nhơn.	9.500.000.000	51%	51,00%
b. Công ty liên doanh, liên kết				
Công ty CP Kinh doanh CNN Bình Định	99 Tây Sơn, Tp.Quy Nhơn, Bình Định	180.000.000.000	50%	50,00%
Công ty CP chế biến gỗ PISICO Đồng An	Lô C, KCN Đồng An, Huyện Thuận An, Bình Dương	17.600.000.000	31,28%	31,28%
Công ty CP chế biến gỗ Nội Thất PISICO	Lô C6-C7, KCN Phú Tài, Tp.Quy Nhơn, Bình Định	15.000.000.000	40,01%	40,01%
Công ty CP PISICO Hà Thanh	Cụm Công nghiệp Canh Vinh, Văn Canh, Bình Định	16.500.000.000	44,97%	44,97%
Công ty TNHH Vật liệu XD PISICO	Thôn Quy hội, Xã Phước An, Huyện Tuy Phước, Bình Định	20.000.000.000	35,00%	35,00%
c. Các đơn vị phụ thuộc của Tổng Công ty:				
▶ Xí nghiệp Chế biến Lâm sản Xuất khẩu Pisico - Chi nhánh Pisico Địa chỉ: Khu vực 7, Phường Nhơn Phú, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.				
▶ Xí nghiệp Lâm nghiệp Pisico - Chi nhánh Pisico Địa chỉ: Khu vực 7, Phường Trần Quang Diệu, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.				
▶ Xí nghiệp kinh doanh và Phát triển hạ tầng Pisico - Chi nhánh Pisico Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Phường Ghềnh Ráng, Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định				

6. Khả năng so sánh thông tin**II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****1. Năm tài chính**

Năm tài chính của PISICO bắt đầu từ ngày 01/01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG


TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

1. Chế độ Kế toán và chuẩn mực kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Tổng Công ty được trình bày phù hợp với Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài Chính ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014.

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc ngày 31/12/2018.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng đề hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của cổ đông thiểu số là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi công ty mẹ và được trình bày riêng biệt trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của Chủ sở hữu của công ty mẹ trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- 1. Nguyên tắc chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam (Trường hợp đồng tiền ghi sổ kế toán khác với Đồng Việt Nam)**
- 2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**
- 3. Nguyên tắc xác định lãi suất thực tế (lãi suất hiệu lực) dùng để chiết khấu dòng tiền.**
- 4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền.**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

- Chứng khoán kinh doanh
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại là ngắn hạn khi có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo như tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, thương phiếu và các loại chứng khoán nợ khác; chỉ tiêu này không bao gồm các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn đã được trình bày trong chỉ tiêu "các khoản tương đương tiền", chỉ tiêu "phải thu về cho vay ngắn hạn"

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại là dài hạn khi có kỳ hạn còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo như tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, thương phiếu và các loại chứng khoán nợ khác; chỉ tiêu này không bao gồm các khoản cho vay được trình bày trong chỉ tiêu "phải thu về cho vay dài hạn"

- Các khoản cho vay



TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản cho vay được phân loại là ngắn hạn khi có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong một chu kỳ kinh doanh thông thường tại thời điểm báo cáo, như cho các khoản vay bằng kế ước, hợp đồng vay giữa 2 bên

Các khoản cho vay được phân loại là dài hạn khi có kỳ hạn thu hồi còn lại trên 12 tháng tại thời điểm báo cáo, như cho các khoản vay bằng kế ước, hợp đồng thỏa thuận vay giữa 2 bên

- Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là các công ty mà trong đó nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của nhà đầu tư. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu từ 20% trở lên quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư và được phân bổ trong khoảng thời gian mười năm. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của quỹ dự trữ được ghi nhận vào quỹ dự trữ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức được nhận từ công ty liên kết được cần trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Các Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với các Báo cáo tài chính của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

- Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác: là các khoản đầu tư vào vốn chủ sở hữu của đơn vị khác nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát, ảnh hưởng đáng kể; các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

- các phương pháp kế toán đối với các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ bao gồm: các khoản phải thu từ khách hàng, các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc và các khoản phải thu khác.

Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn khi có thời gian thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong một chu kỳ kinh doanh thông thường.

Các khoản phải thu được phân loại là dài hạn khi có thời gian thu hồi còn lại trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh thông thường.



TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tổng Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc

Giá gốc của hàng tồn kho là nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và hàng hóa bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho là thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm chi phí nguyên liệu và chi phí sản xuất chung

Hàng tồn kho được đánh giá thực tế trên cơ sở kiểm kê số lượng, chất lượng thực tế, mặt bằng giá thị trường hiện thời và giá trị hình thành của tài sản.

Hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tại thời điểm phát sinh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng

8. Nguyên tắc ghi nhận và các khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư:

- Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do bán hoặc thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

- Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do bán hoặc thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

- Khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và TT 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của TT 45/2013/TT-BTC

- Tài sản cố định thuê tài chính

- Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.



TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến BĐS đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

9. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh

10. Nguyên tắc kế toán thuế TNDN hoãn lại

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

12. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Nợ phải trả phản ánh các khoản nợ phát sinh trong quá trình hoạt động SXKD mà TCTy phải trả, phải thanh toán cho các chủ nợ, bao gồm các khoản phải trả cho người bán, cho Nhà nước, cho công nhân viên và các khoản phải trả khác

Nợ phải trả được phân loại là ngắn hạn khi TCTy có trách nhiệm trả trong vòng 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh bình thường

Nợ phải trả được phân loại là dài hạn khi TCTy xác định thời gian phải trả là trên 1 năm

Đối với các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ, cuối kỳ quyết toán TCTy đánh giá lại theo tỷ giá bán của Ngân hàng thương mại nơi TCTy mở tài khoản

13. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được phân loại là dài hạn khi có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính thì được phân loại là ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay và nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

14. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay (ngoài lãi vay phải trả), như chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay.. Được hạch toán vào chi phí tài chính. Trường hợp các chi phí này phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa.

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả:

17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản; khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ và các khoản khác như khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay.....

18. Nguyên tắc ghi nhận trái phiếu chuyển đổi

19. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của Chủ sở hữu.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.
- Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập và sử dụng theo các quy định hiện hành của Nhà nước.
- Lợi nhuận sau thuế được phân phối và sử dụng theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

20. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

- Doanh thu từ bán hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và quyền sở hữu của hàng hóa được chuyển giao cho người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.
- Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.
- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

21. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu



TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ thì TCTy điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì TCTy ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì TCTy ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

22. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư...ngoài ra còn phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐSĐT....

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho TCTy loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

Khi bán sản phẩm, hàng hóa kèm theo thiết bị, phụ tùng thay thế thì giá trị thiết bị, phụ tùng thay thế được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

Đối với phần giá trị hàng tồn kho bị hao hụt, mất mát, TCTy tính vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường nếu có)

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, Tcty sẽ tính vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường nếu có) kể cả khi sản phẩm hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ

23. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính bao gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính
- Chi phí cho vay và đi vay vốn
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính

24. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp



TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi phí bán hàng phản ánh thực tế phát sinh quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, quảng bá thương hiệu, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển

Chi phí quản lý bao gồm các khoản chi phí về tiền lương của Ban lãnh đạo, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của Cán bộ CNV TCTy, chi phí vật liệu văn phòng, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, thuế môn bài, các khoản lập dự phòng phải thu khó đòi

Đối với các khoản chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo chế độ kế toán thì TCTy không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

25. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành , chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

- *Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng tại ngày cuối kỳ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

- *Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập hoãn lại phát sinh liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.



TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc các đơn vị chịu thuế khác nhau dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

26. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
Tiền mặt tại quỹ	805.235.653	380.329.477
Tiền gửi ngân hàng	24.061.812.625	3.379.361.837
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn tính đến ngày đáo hạn dưới 3 tháng)	-	-
Cộng	<u>24.867.048.278</u>	<u>3.759.691.314</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính**a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Tại ngày 31/12/2018		Tại ngày 01/01/2018	
	Giá gốc	GT ghi sổ	Giá gốc	GT ghi sổ
a1. Ngắn hạn	17.455.762.191	-	14.400.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn	17.455.762.191	-	14.400.000.000	-
a2. Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	17.455.762.191	-	14.400.000.000	-

b. Đầu tư tài chính dài hạn


CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

b1. Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh

	Công ty CP chế biến gỗ Pisico Đồng An	Cty TNHH Nguyên liệu giấy Quy Nhơn	Công ty Cổ phần Pisico - Hà Thanh	Công ty CP chế biến gỗ nội thất Pisico	Công ty CP Kinh doanh Công nông nghiệp Bình Định	Công ty TNHH Vật liệu XD PISICO	Công ty TNHH SX Dăm gỗ BD (Gián tiếp)	Tổng cộng
Tại ngày 01/01/2017	9.504.910.226	12.881.941.089	7.141.150.507	12.517.579.244	132.157.565.481	7.000.000.000	0	181.203.146.547
Phần lãi / lỗ trong công ty liên kết ứng với phần tỷ lệ sở hữu	2.478.534.083	3.972.105	-2.276.460.252	3.654.136.396	-93.593.061	-4.883.711		3.761.705.560
Các khoản tăng / giảm vốn chủ sở hữu tại công ty liên kết	-31.280.000	-377.550.000	-93.946.496	-357.712.622				(860.489.118)
Cổ tức nhận trong kỳ	-1.651.584.000	-855.000.000	-900.000.000	-2.400.800.000				(5.807.384.000)
CLTG trên bảng CĐKT ứng với tỷ lệ sở hữu tại ngày 31/12/2017					-52.283.125			(52.283.125)
Góp vốn vào Cty LD&LK 2017					5.000.000.000			5.000.000.000
Tại ngày 31/12/2017	10.300.580.309	11.653.363.194	3.870.743.759	13.413.203.018	137.011.689.295	6.995.116.289	0	183.244.695.864
Tại ngày 01/01/2018	10.300.580.309	11.653.363.194	3.870.743.759	13.413.203.018	137.011.689.295	6.995.116.289		183.244.695.864
Phần lãi / lỗ trong công ty liên kết ứng với phần tỷ lệ sở hữu	2.114.643.818	285.890.353	2.475.831.974	4.050.612.622	-1.985.292.395			6.941.686.372
Cổ tức nhận trong kỳ	-2.367.270.400	-484.500.000		-4.141.380.000				(6.993.150.400)
Các khoản tăng / giảm vốn chủ sở hữu tại công ty liên kết	-36.331.502	-112.500.000	-246.332.156	-405.426.973				(800.590.631)
Góp vốn vào Cty LD&LK 2018			1.420.000.000					1.420.000.000
CLTG trên bảng CĐKT ứng với tỷ lệ sở hữu tại ngày 30/06/2018					-1.483.669.826			(1.483.669.826)
Chuyển Cty LDLK thành Cty con (vốn góp)		-11.101.830.626						(11.101.830.626)
Chuyển Cty LDLK thành Cty con (CL theo PP VCSH)		-240.422.921						(240.422.921)
Tăng đầu tư gián tiếp vào Cty LDLK thông qua Công ty con						7.159.500.000		7.159.500.000
Tại ngày 31/12/2018	10.011.622.225	0	7.520.243.577	12.917.008.667	133.542.727.074	6.995.116.289	7.159.500.000	178.146.217.832



TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu		
Bên liên quan/Nội dung giao dịch	Từ 01/01/2018 -> 31/12/2018	Từ 01/01/2017 -> 31/12/2017
- Công ty Cổ phần Kinh doanh Công Nông nghiệp B.Định		
Góp vốn cổ phần bằng tiền và nợ phải thu	-	5.000.000.000
Phải thu tiền ứng vốn	12.380.000.000	2.450.000.000
- Công ty TNHH Nguyên liệu giấy Quy Nhơn		
Bán hàng		4.949.875.200
Phải thu	1.000.000.000	-
Mua hàng	84.807.674.178	24.629.513.140
Phải trả	28.556.000	-
Cổ tức được chia	2.422.500.000	855.000.000
Góp vốn	3.000.000.000	
- Công ty Cổ phần Chế biến gỗ nội thất Pisico		
Bán hàng	774.294.098	
Cổ tức được chia	4.141.380.000	2.400.800.000
- Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Pisico Đồng An		
Bán hàng	-	613.372.500
Mua hàng	370.563.200	725.836.200
Cổ tức được chia	2.367.270.400	1.651.584.000
- Công ty Cổ phần Pisico - Hà Thanh		
Bán hàng	9.220.961.900	6.624.956.900
Phải thu tiền cho thuê CSHT và mua hàng hóa	-	3.927.925.098
Thu lãi tiền ứng trước	93.347.222	
Mua hàng	59.163.918.819	58.916.688.475
Phải trả	78.062.000	-
Thu tiền cổ tức được chia		900.000.000
Cho thuê CSHT và dịch vụ đi kèm	789.497.537	778.558.405
- Công ty TNHH TM Ánh Việt (Công ty cùng chủ sở hữu)		
Doanh thu cho thuê văn phòng (chưa VAT)	83.136.407	3.519.091
Phải thu tiền cho thuê văn phòng	23.878.196	3.871.000
Ứng trước tiền mua hàng	36.200.000.000	12.000.000.000
Thu lại tiền cho Ứng	31.200.000.000	
- Công ty TNHH khoáng sản Việt Lâm (Công ty cùng chủ sở hữu)		
Ứng trước tiền mua hàng	67.000.000.000	
Thu lại tiền cho Ứng	24.000.000.000	
- Công ty TNHH TM Ánh Vy (Công ty mẹ)		
Doanh thu cho thuê văn phòng (chưa VAT)	83.136.407	
Phải thu tiền cho thuê văn phòng	23.878.196	
Doanh thu bán gỗ xẻ	762.465.000	
Phải thu tiền bán gỗ xẻ	838.711.500	
- Công ty TNHH Vật liệu Xây dựng PISICO		
Phải thu tiền ứng vốn	-	800.000.000
Thu lại tiền cho Ứng vốn	800.000.000	
Thu lãi ứng vốn	39.760.932	



TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

b2. Đầu tư vào đơn vị khác

	Tại ngày 31/12/2018		Tại ngày 01/01/2018	
	Số lượng cổ phần sở hữu	Giá trị	Số lượng cổ phần sở hữu	Giá trị
Góp vốn điều lệ thành lập Công ty Cổ phần Chế biến Lâm sản Pisico Quảng Nam	22.750	3.776.950.866	22.750	3.776.950.866
Góp vốn điều lệ thành lập Công ty Cổ phần Du lịch Sỏi Gòn Quy Nhơn	-	-	-	-
Góp vốn điều lệ thành lập Công ty Cổ phần Tinh bột sắn Bình Định	355.810	3.639.669.130	355.810	3.639.669.130
Mua cổ phiếu của Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Dịch vụ và Đầu tư Việt Nam (Vicosimex)	3.000	35.000.000	3.000	35.000.000
Cộng		7.451.619.996		7.451.619.996

Thông tin về Công ty đầu tư dài hạn tại ngày 31/12/2018 như sau:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu %
Công ty CP Chế biến tinh bột sắn	Thôn Hữu Lộc, Mỹ Hiệp, Huyện Phù Mỹ, Bình Định	28.000.000.000	12,71%
Công ty CP CB LS PISICO Quảng Nam	Tam Nghĩa, Núi Thành, Quảng Nam	12.000.000.000	18,96%

*** Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn**

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác:

- Công ty CP chế biến tinh bột sắn XK Bình Định

Cộng

	31/12/2018	01/01/2018
	883.905.973	883.905.973
Cộng	883.905.973	883.905.973

3. Phải thu của khách hàng

	31/12/2018	01/01/2018
a. Tổng Công ty PISICO	50.083.314.712	54.732.755.430
Khách hàng HAGEBAU		1.358.289.878
Khách hàng DEHNER	909.991.500	3.930.367.115
Võ Thị Kim Nguyệt		11.863.491.696
Công ty TNHH TM Ánh Việt	23.878.196	3.871.000
Công ty TNHH TM Ánh Vy	23.878.196	3.871.000
Khách hàng A-MIR (Garden Team)	688.540.322	1.182.773.025
Công ty TNHH SX TM Tâm Phú		82.060.000
Công ty CP VLXD Mỹ Quang	27.794.715	
Khách hàng COOP ITALIA		935.237.228



TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
Công ty TNHH SX Furniture Sài Gòn		949.502.673
Công ty CP Cơ khí & ĐT Ngôi sao		11.223.960
Cty CP HD Rurniture Group	118.212.050	
Khách hàng ASINDO	1.122.415.470	3.205.374.960
Cty TNHH SX TM Lê Dung	197.717.161	
Công ty TNHH Gỗ Thành Phúc		
Khách hàng Globus (nordio)	1.365.870.845	1.364.999.625
Khách hàng Conforama		7.185.989.246
Khách hàng Hubo		574.077.252
Khách hàng Runsvan AB		307.355.532
Khách hàng ADEO	39.853.325.733	12.931.807.449
Công ty CP PISICO Hà Thanh		427.925.098
Công Ty TNHH Ánh vỹ	838.711.500	
Công ty TNHH Trồng rừng Quy Nhơn		987.406.940
Khách hàng mua cây con		
Công ty TNHH SX dăm gỗ Bình Định		666.383.600
Công ty CP gỗ Đại Phúc	1.255.429.790	928.982.465
Công ty CP ĐT Quốc tế & XNK DHT	998.355.952	966.445.541
Công ty TNHH Vạn Đại	1.286.870.841	3.274.288.743
Công ty TNHH Thành Luân	250.456.687	242.277.469
Công ty TNHH Gia Hưng		122.900.323
Công ty bao bì Hòa Phát	405.228.500	739.686.330
Công ty TNHH XD & MT Long Phước	3.318.947	
Công ty TNHH Hoàng Gia	227.151.025	
Công ty TNHH TM DV Vân Nguyễn	486.167.282	486.167.282
b. Cty CP DV Phát triển Hạ tầng PBC	7.109.281.889	6.012.397.250
DNTN Phú Lợi	1.592.274.527	1.323.539.125
Cty TNHH TM Phú Mỹ	817.528.879	895.165.692
Cty CP DV Công nghiệp Hàng Hải		303.201.540
Cty TM Thăng Long TNHH		27.661.368
Khách hàng khác	4.699.478.483	3.462.829.525
c. Cty TNHH MTV Truyền Hình cáp QN	74.115.500	802.319.127
Cty TNHH THC Saigontourist	-	570.342.726
Cty TNHH mua sắm tại nhà VTV-Hyundai	60.875.000	
Khách hàng khác	13.240.500	231.976.401
d. Cty TNHH nguyên liệu giấy QN	39.101.225	
Khách hàng khác	39.101.225	
Cộng	<u>57.305.813.326</u>	<u>61.547.471.807</u>



TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2018	01/01/2018
a. Tổng Công ty PISICO	61.093.000.000	19.005.638.060
Công ty CP PISICO Hà Thanh		3.500.000.000
Công ty TNHH TM Ánh Việt	17.000.000.000	12.000.000.000
Cty TNHH SX TM Lê Dung		251.421.146
Cty TNHH LS Ngọc Hà		409.928.200
Cty CP HD Furniture Group		1.643.852.554
Cty TNHH Cơ khí Lam Sơn	308.000.000	
Cty TNHH Vũ Hà	25.000.000	
Công ty TNHH khoáng sản Việt Lâm	43.000.000.000	
Công ty CP chứng khoán NH Công thương VN	50.000.000	
Cty TNHH MTV Toyota Bình Định	50.000.000	
DNTN Quyên Thắng		139.006.700
DNTN Cảnh toàn		80.000.000
Cty TNHH MTV Hậu Minh	660.000.000	380.000.000
Công ty TNHH Hoàng Khôi		601.429.460
b. Cty CP DV Phát triển Hạ tầng PBC	63.537.000	54.537.000
Công ty TNHH Kiểm toán FAC-CN Nha Trang	21.000.000	12.000.000
Công ty TNHH Khoa học kỹ thuật & MT Trung việt	42.537.000	42.537.000
c. Cty TNHH MTV Truyền Hình cáp QN	-	-
d. Cty TNHH Nguyên liệu giấy QN	2.265.181.250	
Trần Thanh Tâm	794.305.450	
Khách hàng khác	1.470.875.800	
Cộng	63.421.718.250	19.060.175.060
5. Phải thu khác		
	31/12/2018	01/01/2018
- Ngắn hạn	4.945.175.948	1.194.780.681
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp của các đơn vị thuê đất	12.813.942	19.071.666
Phải thu BHXH, BHYT, BHTN	84.427.784	91.469.631
Dự thu lãi tiền gửi ngân hàng + Lãi ứng vốn	328.160.958	253.288.255
Công ty CP Tinh bột sắn XK Bình Định	1.009.076.500	448.270.000
Tạm ứng CBCNV	894.702.731	24.787.000
Cổ tức được chia	2.301.456.000	-
Tiền thuê đất thô phải thu của các DN	219.632.033	130.518.305
Các khoản khác	94.906.000	227.375.824
- Dài hạn	3.000.000	3.927.080.660
Tiền đặt cọc thuê Văn phòng Truyền hình cáp	3.000.000	4.800.000
Phải thu lại của NN tiền hỗ trợ bồi thường về đất CCN Cát	-	3.879.460.660
Phải thu lại của nhà nước tiền tạm ứng bồi thường thu hồi đất	-	42.820.000
Cộng	4.948.175.948	5.121.861.341



TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

	31/12/2018	01/01/2018
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	16.648.520.136	24.068.260.045
Công cụ, dụng cụ trong kho	1.222.781.221	1.850.864.978
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	19.217.880.842	35.302.378.462
Thành phẩm tồn kho	26.317.647.193	2.943.863.075
Hàng hóa bất động sản	645.609.522	645.609.522
Cộng	64.052.438.914	64.810.976.082

7. Dự phòng phải thu khó đòi ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
Tổng Công ty PISICO	1.792.942.187	2.494.738.253
Cty CP DV Phát triển Hạ tầng PBC	1.673.296.506	1.407.539.836
Cty TNHH MTV Truyền hình Cấp QN	18.006.000	
Cty TNHH Nguyên liệu giấy QN	2.831.161.781	-
Cộng	6.315.406.474	3.902.278.089

* Chi tiết:

Tại ngày 31/12/2018			Tại ngày 01/01/2018		
Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
4.322.332.677	-	Trên 3 năm	1.046.385.590	-	Trên 3 năm
611.424.144	183.427.244	Từ 2-3 năm	1.639.355.783	491.806.735	Từ 2-3 năm
2.353.618.292	1.176.809.142	Từ 1-2 năm	2.401.440.427	1.200.720.213	Từ 1-2 năm
1.294.225.817	905.958.070	Từ 6 tháng - 1 năm	1.692.077.452	1.184.454.215	Từ 6 tháng - 1 năm
8.581.600.930	2.266.194.456		6.779.259.252	2.876.981.163	

8. Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2018	01/01/2018
a. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	24.686.494.444	5.303.005.145
- CP Trồng Rừng kinh tế	24.686.494.444	5.303.005.145
b. Xây dựng cơ bản dở dang	2.017.994.191	881.127.009
- Các hạng mục tại Cụm công nghiệp Canh Vinh	631.127.009	631.127.009
- Mua sắm tài sản cố định của TCTy	1.122.549.000	-
- Dự án internet và THKTS tại Cty Truyền Hình Cấp	264.318.182	250.000.000
Cộng	26.704.488.635	6.184.132.154



TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, đồ dùng quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Tại 01/01/2018	65.633.306.036	65.182.131.577	11.719.060.099	1.457.678.251	1.055.483.682	145.047.659.645
Đầu tư mới	98.463.636	130.000.000	-	-	-	228.463.636
xác nhập Cty con	12.154.215.925	14.399.898.838	3.231.906.845			29.786.021.608
Thanh lý, nhượng bán	155.000.000	250.000.000	1.250.000.000	-	-	1.655.000.000
Tại 31/12/2018	77.730.985.597	79.462.030.415	13.700.966.944	1.457.678.251	1.055.483.682	173.407.144.889
Hao mòn lũy kế						
Tại 01/01/2018	21.462.316.018	32.329.950.299	6.515.960.906	769.927.411	832.399.384	61.910.554.018
Trích khấu hao	2.914.363.536	5.435.431.853	797.157.641	213.946.083	57.401.802	9.418.300.915
Thanh lý	150.005.873	242.604.028	1.173.657.327	-	-	1.566.267.228
xác nhập Cty con	7.668.721.341	7.740.584.841	2.646.818.307			18.056.124.489
Tại 31/12/2018	31.895.395.022	45.263.362.965	8.786.279.527	983.873.494	889.801.186	87.818.712.194
Giá trị còn lại						
Tại 01/01/2018	44.170.990.018	32.852.181.278	5.203.099.193	687.750.840	223.084.298	83.137.105.627
Tại 31/12/2018	45.835.590.575	34.198.667.450	4.914.687.417	473.804.757	165.682.496	85.588.432.695

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất + CP GPMB	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Phần mềm kế toán	Tổng cộng
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2018	-	13.607.264.000	54.000.000	13.661.264.000
Xác nhập Cty con	3.309.570.944	-		3.309.570.944
Tại ngày 31/12/2018	3.309.570.944	13.607.264.000	54.000.000	16.970.834.944
Hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2018	-	1.470.842.064	13.500.000	1.484.342.064
Trích khấu hao	-	308.640.288	13.500.000	322.140.288
Xác nhập Cty con	484.328.532	-	-	484.328.532
Tại ngày 31/12/2018	484.328.532	1.779.482.352	27.000.000	2.290.810.884
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2018	-	12.136.421.936	40.500.000	12.176.921.936
Tại ngày 31/12/2018	2.825.242.412	11.827.781.648	27.000.000	14.680.024.060

11. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

	Công trình hạ tầng Cụm công nghiệp Nhơn Bình	Công trình hạ tầng Cụm công nghiệp Cát Nhơn	Công trình hạ tầng Cụm công nghiệp Canh Vinh	Tổng cộng
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2018	38.635.719.983	29.684.990.157	16.311.419.215	84.632.129.355
Đầu tư mới	-	3.922.280.660	-	3.922.280.660
Tại ngày 31/12/2018	38.635.719.983	33.607.270.817	16.311.419.215	88.554.410.015

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Công trình hạ tầng Cụm công nghiệp Nhơn Bình	Công trình hạ tầng Cụm công nghiệp Cát Nhơn	Công trình hạ tầng Cụm công nghiệp Canh Vinh	Tổng cộng
Hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2018	29.366.153.275	5.847.917.560	2.198.522.856	37.412.593.691
Trích khấu hao	2.599.992.074	596.161.042	347.241.505	3.543.394.621
Phát sinh giảm	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2018	31.966.145.349	6.444.078.602	2.545.764.361	40.955.988.312
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2018	9.269.566.708	23.837.072.597	14.112.896.359	47.219.535.664
Tại ngày 31/12/2018	6.669.574.634	27.163.192.215	13.765.654.854	47.598.421.703

Bất động sản đầu tư bao gồm các công trình hạ tầng kỹ thuật tại Cụm công nghiệp Nhơn Bình (thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định), Cụm công nghiệp Cát Nhơn (xã Cát Nhơn, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định) và Cụm công nghiệp Canh Vinh (xã Canh Vinh, huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định) đang cho bên thứ 3 thuê.

12. Chi phí trả trước

	31/12/2018	01/01/2018
Chi phí trả trước ngắn hạn	563.505.503	160.938.010
Chi phí trả trước dài hạn	10.317.233.076	6.636.886.739
Cộng	10.880.738.579	6.797.824.749

13. Vay và nợ thuê tài chính

- Chi tiết phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn như sau:

	Tại ngày 01/01/2018	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	CLTG cuối kỳ	Tại ngày 31/12/2018
VCB Quy Nhơn (a)	52.574.161.885	302.611.529.433	238.979.219.493	(28.966.685)	116.177.505.140
- Vay Việt Nam Đồng	2.410.727.796	163.504.394.726	121.271.115.042		44.644.007.480
- Xác nhập CTy con		32.726.504.795			32.726.504.795
- Vay Đô - la Mỹ	50.163.434.089	106.380.629.912	117.708.104.451	(28.966.685)	38.806.992.865
Viettinbank (VND)	-	18.811.800.000	18.811.800.000		0
Cộng	52.574.161.885	321.423.329.433	257.791.019.493	(28.966.685)	116.177.505.140

- Chi tiết phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn như sau:

	Tại ngày 01/01/2018	Số tiền vay trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Điều chỉnh trong kỳ	Tại ngày 31/12/2018
A. Vay dài hạn	6.875.000.000	704.000.000	2.500.000.000	-	5.079.000.000
VCB Quy Nhơn (a)	6.875.000.000	704.000.000	2.500.000.000	-	5.079.000.000
Vay Việt Nam Đồng	6.875.000.000	704.000.000	2.500.000.000	-	5.079.000.000
B. Vay dài hạn đến hạn trả	0	0	0	-	2.964.000.000
VCB Quy Nhơn			0	-	2.964.000.000
Vay Việt Nam Đồng	2.500.000.000	464.000.000	0	-	2.964.000.000
Cộng	9.375.000.000	1.168.000.000	2.500.000.000	-	8.043.000.000

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**14. Phải trả cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2018	01/01/2018
a. Tổng Công ty PISICO	14.634.678.359	17.110.507.285
Công ty TNHH MTV Hậu Minh		56.830.510
DNTN Dệt May TM Vạn Phát	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty cổ phần phần mềm thông tin kinh doanh	9.000.000	9.000.000
Công ty TNHH Thảo Truyền	151.900.000	151.900.000
Cảng Quy Nhơn	-	
Công ty TNHH Đức Thành	1.435.695.350	965.743.839
Công ty TNHH Lê Gia	662.102.754	641.275.657
Công ty TNHH Hoàng Trang	1.630.858.680	1.939.093.851
Khách hàng Lê Hữu Tài	7.860.696	31.454.797
Công ty TNHH Hóa Keo Bình Thạnh	166.761.265	825.810.150
Công ty TNHH May Trường Thịnh		220.774.400
Công ty TNHH SX TM Bảo Bảo	41.692.816	165.063.140
Cửa hàng Hoàng Yên	108.088.800	147.426.000
Công ty TNHH Hiệp Phát		7.646.650
Khách hàng Nguyễn Việt Hưng	64.340.100	42.471.000
DNTN Quang huy	67.639.000	98.241.000
Cửa hàng TCT	138.360.600	147.016.840
Khách hàng Nguyễn Hạnh Cúc	131.715.000	204.893.500
Khách hàng Kim Tuyền	76.748.680	73.795.100
Công ty TNHH SX TM Tân Anh Thế		45.922.635
Công ty TNHH Bích Việt		
Công ty TNHH Phú Gia Lâm		471.923.155
Công ty TNHH DV TM Tân Phát	202.523.200	215.413.000
DNTN TM Phước An Thạnh		
Công ty TNHH kỹ nghệ Eco	521.313.920	76.229.340
Công ty CP Tân Tiến	661.957.843	305.258.278
Công ty TNHH SX TM Xuyên Việt	154.827.200	235.831.200
Cty TNHH SX BB và in ấn Trương Gia	718.685.748	
Công ty TNHH Tân Bình	338.837.456	
Công ty CP SX TM Vĩnh Phúc	633.446.000	602.448.000
Cty TNHH TM DV M&H		5.016.000
Công ty TNHH Tân Đại Phú		4.070.000
Công ty TNHH Xuân Huy Phát	220.444.360	424.325.550
Công ty TNHH Hoàng Tâm		810.868.125
Cty TNHH SX TM Sao Vàng	32.255.960	84.362.850
XN Lắp máy và XD Quang Trung	44.880.400	
Công ty TNHH SX TM DV Q&B	44.550.000	
Công ty TNHH TM và MT Hậu sanh	10.000.000	
Công ty TNHH MTV CK Thế Bằng	781.883.553	1.903.703.400
Khách hàng Phúc Thành	2.160.000	8.640.000
Công ty TNHH MTV Anh Minh		38.849.406
Công ty TNHH SX TM DV Tân Thành Long	5.790.400	8.932.000
Công ty TNHH Đồng Tiến		1.201.185.150



TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	31/12/2018	01/01/2018
Cty CP XNK & TM DV Bông Súng	245.271.400	
CN Cty CP G.Định Đại Việt tại Đ.Năng	21.450.000	
Cty TNHH CB Nước mắm Mười Thu	159.166.082	
Cty TNHH Việt Nam BLS	12.217.432	
Công ty TNHH Thành phát VINA	27.244.800	14.857.700
Công ty CP XL Điện Tuy Phước	67.722.944	
Cửa hàng dầu nhớt Út Mỹ	3.000.000	
TNTEXPRESS WORLDWIDE VN		
CTy CP Petec Bình Định	7.358.400	
Công ty TNHH Sơn Tín Phát		37.884.000
Công ty TNHH SX TM Trường Phước	21.895.000	9.108.000
Cty CP Trường Hải	550.699.030	870.878.440
CTy TNHH Toàn Gia Đạt		623.939.026
Cty TNHH Gỗ Thành Phúc	3.315.037.990	1.491.432.250
Cty TNHH TM DV T.U.T	26.108.500	24.618.000
Cty TNHH Ánh Dương		173.758.000
Vinatrans Quy Nhơn	12.012.000	16.736.500
Ngô Thị hồng Phương		51.047.400
CTy TNHH Cơ Hội Mới		16.578.287
DNTN Thành Xuân		10.450.000
Cty TNHH Nguyễn Phương Quân		10.805.300
Cty TNHH TM XNK Chấn Thành		67.778.700
Cty TNHH MTV Tân Anh Tuấn		42.024.180
Cty CP Công nghệ gỗ Trường Thành		26.484.461
Cty TNHH Tân Bình		254.274.548
Cty TNHH Taxi Trang Hiệp Thành		14.465.000
Cty TNHH MTV vận tải & TM Toàn Tâm	11.290.000	31.251.970
Nhà sách Đông Phương		141.871.000
DNTN Lê Huy Huyền	87.885.000	-
b. Công ty CP PT Hạ tầng PBC	56.427.964	62.605.564
Công ty TNHH Xây dựng Bảo Long	2.539.564	2.539.564
Cty TNHH TM & XD Lê Mạnh		20.739.000
Cty TNHH XD TH Hà Thanh	39.327.000	39.327.000
Công ty TNHH XD An Đạt	14.561.400	
c. Công ty TNHH MTV Truyền Hình Cấp QN	729.327.405	-
Công ty TNHH THC Sài Gòn tourist	713.957.405	
Khách hàng khác	15.370.000	-
d. Công ty TNHH Nguyên liệu giấy QN	3.886.172.682	
DNTN Thanh Hải	428.533.406	
XNKD DVTH Cảng Quy Nhơn	1.068.888.882	
Võ Ngọc Chinh	192.099.600	
Cty TNHH SX TM Đức Thịnh	325.416.000	
Khách hàng nhập gỗ	1.186.356.100	
Khách hàng khác	684.878.694	
Cộng	19.306.606.410	17.173.112.849



TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**15. Người mua trả trước tiền hàng**

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
a. Tổng Công ty PISICO	6.627.689.603	3.348.026.482
Khách hàng HARTMAN	403.713.753	1.247.906.094
Khách hàng SMT J/S	6.868.170	6.868.170
Khách hàng CCST LTD	1.157.663.530	305.474.440
CTy CP Cơ khí và ĐT Ngôi Sao		
	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
Công ty TNHH Trồng Rừng QN	4.928.844.704	1.744.586.356
Khách hàng FREE STYLE	10.765.826	10.765.826
CN Cty CP Phú Tài tại TP.HCM	41.771.620	
Khách hàng Triwin Resources		32.425.596
Công ty CP PISICO Hà Thanh	78.062.000	
b. Công ty CP PT Hạ tầng PBC	41.877	
Cộng	<u>6.627.731.480</u>	<u>3.348.026.482</u>

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
Thuế giá trị gia tăng	867.716.119	897.859.106
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.739.257.560	1.548.156.750
Thuế thu nhập cá nhân	17.579.998	132.140.354
Các loại thuế khác	490.000.000	301.880.223
Cộng	<u>3.114.553.677</u>	<u>2.880.036.433</u>

Chi tiết như sau:

	<u>Tại ngày 01/01/2018</u>	<u>Tăng trong kỳ</u>	<u>Giảm trong kỳ</u>	<u>Tại ngày 31/12/2018</u>
Thuế GTGT bán hàng nội địa	897.859.106	3.170.122.529	3.200.265.516	867.716.119
Thuế GTGT hàng NK	-	217.957.043	217.957.043	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	2.999.607.279	2.999.607.279	-
Thuế thu nhập DN	1.548.156.750	6.444.634.941	6.253.534.131	1.739.257.560
Thuế môn bài	-	14.000.000	14.000.000	-
Thuế nhà đất, thuê đất	-	142.613.639	142.613.639	-
Thuế thu nhập cá nhân	131.110.849	627.503.111	741.033.962	17.579.998
Thuế khác	301.880.223	490.008.700	301.888.923	490.000.000
Cộng	2.879.006.928	14.106.447.242	13.870.900.493	3.114.553.677

17. Chi phí phải trả

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
Chi phí thuê bản quyền truyền hình	523.480.216	799.168.061
Lãi vay phải trả	116.221.315	42.041.570
Tiền lương, phép và tiền ăn ca của cán bộ công nhân viên	143.939.200	189.269.250
Các khoản chi phí khác	289.326.054	503.675.916
Tiền nước + Điện + thuê đất	-	31.346.784
Phí kiểm toán BCTC	277.227.272	171.590.908
Cộng	<u>1.350.194.057</u>	<u>1.737.092.489</u>



TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2018	01/01/2018
Tiền bảo hành các hạng mục XD/CB	27.808.000	10.000.000
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	-	318.563.340
Kinh phí công đoàn	746.673.468	522.603.869
Lợi nhuận Phải trả cho CĐTS	2.737.000.000	-
Cty Nhuận bang (LN Phải trả)	58.634.180	58.634.180
Công ty Cổ phần thực phẩm XK Bình Định	712.971.000	712.971.000
Công ty CP TMĐT&PT Miền Núi	113.784.055	113.784.055
Phải trả Công Đoàn TCTy	370.656.422	181.737.491
Tiền ồm đầu, thai sản (có 1388)	39.673.200	11.099.400
Tiền thuê đất thô phải trả NN của các DN	21.165.494	53.533.338
Các khoản khác	109.048.971	35.801.169
Cộng	4.937.414.790	2.018.727.842

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Tại ngày 01/01/2018	689.988.961
Trích từ lợi nhuận sau thuế	3.246.941.079
Thu khác	725.411
Chi khen thưởng, phúc lợi	1.757.160.476
Số dư tại 31/12/2018	2.180.494.975

20. Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2018	01/01/2018
a. Ngắn hạn	6.612.219.028	5.311.692.451
Doanh thu nhận trước cho thuê cơ sở hạ tầng CCN Nhơn Bình	2.269.404.275	2.186.321.532
Doanh thu nhận trước tiền cho thuê cơ sở hạ tầng Cụm công nghiệp Canh Vinh và Cát Nhơn chưa thực hiện.	2.613.769.807	2.809.908.023
Cho thuê Văn phòng làm việc	157.500.000	
Doanh thu nhận trước tiền thuê bao Truyền hình cáp	449.044.946	315.462.896
Doanh thu nhận trước tiền cho thuê đất (NLG)	1.122.500.000	
b. Dài hạn	66.655.353.566	63.254.213.032
Doanh thu nhận trước tiền cho thuê cơ sở hạ tầng Cụm công nghiệp Canh Vinh và Cát Nhơn chưa thực hiện.	60.993.222.670	56.652.124.419
Doanh thu nhận trước tiền cho thuê cơ sở hạ tầng Cụm công nghiệp Nhơn Bình chưa thực hiện.	4.539.630.896	6.602.088.613
Doanh thu nhận trước tiền cho thuê đất (NLG)	1.122.500.000	-
Cộng	73.267.572.594	68.565.905.483

TÔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**21. Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Tại ngày 01/01/2017	275.000.000.000	522.569.600	26.695.932.326	9.009.227.540	34.418.566.440	345.646.295.906
Lợi nhuận năm 2017					23.954.597.479	23.954.597.479
Trích Quỹ ĐTP				3.694.108.000	(3.694.108.000)	-
Trích Quỹ Khen thưởng Phúc lợi					(5.026.610.833)	(5.026.610.833)
Chia cổ tức					(17.050.000.000)	(17.050.000.000)
Các khoản tăng/giảm vốn CSH tại Cty liên kết					(860.489.118)	(860.489.118)
CL tỷ giá năm 2017			(52.283.125)			(52.283.125)
Chia lợi nhuận cho đối tác hợp tác kinh doanh (TH Cấp)					(2.500.000.000)	(2.500.000.000)
Chi khác					(35.416.667)	(35.416.667)
Tại ngày 31/12/2017	275.000.000.000	522.569.600	26.643.649.201	12.703.335.540	29.206.539.301	344.076.093.642
Tại ngày 01/01/2018	275.000.000.000	522.569.600	26.643.649.201	12.703.335.540	29.206.539.301	344.076.093.642
Lợi nhuận năm 2018					35.140.928.738	35.140.928.738
Trích Quỹ Khen thưởng Phúc lợi					(3.196.380.662)	(3.196.380.662)
Chia cổ tức					(22.000.000.000)	(22.000.000.000)
Các khoản tăng/giảm vốn CSH tại Cty liên kết					(800.590.629)	(800.590.629)
Chi khác					(240.000.000)	(240.000.000)
CL tỷ giá năm 2018			(1.483.669.826)			(1.483.669.826)
Chia lợi nhuận cho đối tác hợp tác kinh doanh (TH Cấp)					(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
Tại ngày 31/12/2018	275.000.000.000	522.569.600	25.159.979.375	12.703.335.540	35.110.496.748	348.496.381.263



TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Vốn góp của chủ sở hữu

Cổ đông	Tại ngày 31/12/2018		Tại ngày 01/01/2018	
	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị
Công ty TNHH TM Ánh Vy	96,83	266.270.000.000	96,83	266.270.000.000
Các cổ đông khác	3,17	8.730.000.000	3,17	8.730.000.000
Cộng		275.000.000.000		275.000.000.000

	31/12/2018	01/01/2018
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	27.500.000	27.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	27.500.000	27.500.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	27.500.000	27.500.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

22. Lợi ích của cổ đông thiểu số

	Công ty Cổ phần Dịch vụ và Phát triển hạ tầng P.B.C	Công ty TNHH Nguyên liệu giấy QN	Tổng Cộng
Tại ngày 01/01/2017	7.658.430.103		7.658.430.103
LN của cổ đông thiểu số 2017	1.513.957.826		1.513.957.826
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi từ lợi nhuận của CĐTS	(251.959.167)		(251.959.167)
Chia cổ tức cho CĐTS	(2.843.750.000)		(2.843.750.000)
Chi khác	(14.583.333)		(14.583.333)
Tại ngày 31/12/2017	6.062.095.429	-	6.062.095.429
Tại ngày 01/01/2018			
LN của cổ đông thiểu số năm 2018	1.372.459.215	2.022.705.833	3.395.165.048
Chia cổ tức cho CĐTS	(1.093.750.000)	(1.862.000.000)	(2.955.750.000)
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi từ lợi nhuận của CĐTS	(50.560.417)	-	(50.560.417)
Vốn góp của CĐTS		4.655.000.000	4.655.000.000
LNST chưa PP của CĐTS		323.860.512	323.860.512
Quỹ ĐTPT phân bổ cho CĐTS		1.847.400.869	1.847.400.869
Nguồn vốn XD CD phân bổ cho CĐTS		5.586.259.146	5.586.259.146
Tại ngày 31/12/2018	6.290.244.227	12.573.226.360	18.863.470.587

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán:

	31/12/2018	01/01/2018
c. Ngoại tệ các loại		
Dollar Mỹ (USD)	314.066,40	49.175,44
EURO	349,66	420,59
d. Nợ khó đòi đã xử lý	5.623.669.639	5.623.669.639

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2018-> 31/12/2018	Từ 01/01/2017 -> 31/12/2017
Tổng doanh thu	571.579.920.247	423.785.270.624
Các khoản giảm trừ		-
Doanh thu thuần	571.579.920.247	423.785.270.624
Trong đó:		
Doanh thu sản phẩm Lâm sản và DV Lâm nghiệp	524.350.493.583	375.453.543.730
Doanh thu cho thuê và DV hạ tầng Khu công nghiệp	15.316.292.837	14.592.725.985
Doanh thu DV Truyền Hình Cấp	31.913.133.827	33.739.000.909
Cộng	571.579.920.247	423.785.270.624

2. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2018-> 31/12/2018	Từ 01/01/2017 -> 31/12/2017
Giá vốn sản phẩm Lâm sản và DV Lâm nghiệp	442.535.342.678	333.234.604.573
Giá vốn cho thuê và DV hạ tầng Khu công nghiệp	7.204.359.344	6.925.732.444
Giá vốn DV Truyền Hình Cấp	14.958.797.755	14.794.811.464
Cộng	464.698.499.777	354.955.148.481

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2018-> 31/12/2018	Từ 01/01/2017 -> 31/12/2017
Cổ tức và lợi nhuận được chia	2.543.046.277	239.500.000
Lãi tiền gửi, cho vay	1.446.667.262	1.783.225.427
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.334.103.358	784.953.819
Cộng	5.323.816.897	2.807.679.246

4. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2018-> 31/12/2018	Từ 01/01/2017 -> 31/12/2017
Chi phí lãi vay	4.343.303.415	2.234.556.704
Lỗ chênh lệch tỷ giá	798.738.136	686.679.696
Dự phòng đầu tư ngoài DN	-	883.905.973
Cộng	5.142.041.551	3.805.142.373

5. Thu nhập khác

	Từ 01/01/2018-> 31/12/2018	Từ 01/01/2017 -> 31/12/2017
Lãi thanh lý tài sản cố định	301.567.228	5.682.541.522
Xử lý nợ, Thu hồi nợ	15.633	13.925.415
Thu nhập khác	989.810.019	81.858.414
Cộng	1.291.392.880	5.778.325.351

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Chi phí khác

	Từ 01/01/2018-> 31/12/2018	Từ 01/01/2017 -> 31/12/2017
Xử lý nợ	132.307.000	244.602.264
Chi thù lao HĐQT	228.750.000	79.500.000
Các khoản chi phí khác	809.376.426	534.988.957
Cộng	1.170.433.426	859.091.221

7. Phần lãi/lỗ trong công ty liên kết, liên doanh

	Từ 01/01/2018-> 31/12/2018	Từ 01/01/2017 -> 31/12/2017
Phần lãi / (lỗ) trong lợi nhuận sau thuế tính theo tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết:		
- Công ty Cổ phần chế biến gỗ nội thất Pisico	4.050.612.622	3.654.136.396
- Cty TNHH Nguyên liệu giấy Quy Nhơn	285.890.353	3.972.105
- Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Pisico Đồng An	2.114.643.818	2.478.534.083
- Công ty Cổ phần Pisico - Hà Thanh	2.475.831.974	(2.276.460.252)
- Công ty TNHH Vật liệu XD PISICO	-	(4.883.711)
- Công ty Cổ phần KD CNN Bình Định	(1.985.292.395)	(93.593.061)
Cộng	6.941.686.372	3.761.705.560
	-	-

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2018-> 31/12/2018	Từ 01/01/2017 -> 31/12/2017
Lợi nhuận trước thuế	46.135.009.716	31.428.630.859
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN		
Các khoản điều chỉnh tăng	3.524.599.366	3.905.024.917
Các khoản chi phí không được trừ	3.524.599.366	3.905.024.917
Các khoản điều chỉnh giảm	11.960.110.094	8.823.606.935
Cổ tức và phần lãi từ công ty liên kết	7.563.771.682	4.001.205.560
Lỗ đánh giá SD ngoại tệ năm trước	20.105.463	
Các khoản khác	4.376.232.949	4.822.401.375
Tổng thu nhập chịu thuế TNDN	37.699.498.988	26.510.048.841
<u>Trong đó:</u>		
Tổng thu nhập chịu thuế suất 20%	37.699.498.988	26.510.048.841
Thuế TNDN tính theo thuế suất	7.539.899.797	5.302.009.768
Thuế TNDN được miễn giảm	(39.050.803)	(38.011.646)
Thuế thu nhập doanh nghiệp truy thu theo QĐ của Cục thuế tỉnh Bình Định	98.066.936	988.158.838
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	7.598.915.930	6.252.156.960



TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**9. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số**

	Từ 01/01/2018-> 31/12/2018	Từ 01/01/2017 -> 31/12/2017
Lợi nhuận sau thuế tính cho cổ đông thiểu số tại các Cty con:		
- Công ty Cổ phần Dịch vụ phát triển hạ tầng P.B.C	1.372.459.215	1.513.957.826
- Công ty TNHH Nguyên liệu Giấy QN	2.022.705.833	-
Cộng	3.395.165.048	1.513.957.826

10. Lãi cơ bản, Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2018-> 31/12/2018	Từ 01/01/2017 -> 31/12/2017
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	35.140.928.738	23.954.597.479
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	35.140.928.738	23.954.597.479
Trích Quỹ khen thưởng, Phúc lợi	-	3.196.380.662
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	27.500.000	27.500.000
Cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành thêm		
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.278	755
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.278	755

11. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2018-> 31/12/2018	Từ 01/01/2017 -> 31/12/2017
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	93.027.534.343	91.248.402.559
Chi phí nhân công	47.769.660.959	51.223.096.537
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.283.835.824	12.791.129.913
Chi phí dịch vụ mua ngoài	77.000.218.672	77.079.393.048
Chi phí khác bằng tiền	29.647.471.762	28.657.323.275
Cộng	260.728.721.560	260.999.345.332

VII THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ**1. Khấu hao tài sản cố định**

	Từ 01/01/2018-> 31/12/2018	Từ 01/01/2017 -> 31/12/2017
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	9.418.300.915	8.920.835.663
Khấu hao tài sản cố định vô hình	322.140.288	322.140.288
Khấu hao bất động sản	3.543.394.621	3.548.153.962
Cộng	13.283.835.824	12.791.129.913



TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư

	Từ 01/01/2018-> 31/12/2018	Từ 01/01/2017 -> 31/12/2017
Lãi tiền gửi, cho vay	1.446.667.262	1.783.225.427
Lãi từ thanh lý tài sản cố định và TS dài hạn khác	301.567.228	5.691.632.431
Cổ tức và lợi nhuận được chia	2.543.046.277	239.500.000
Lãi/lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	6.941.686.372	3.761.705.560
Cộng	11.232.967.139	11.476.063.418

3. Tiền thu từ đi vay

	Từ 01/01/2018-> 31/12/2018	Từ 01/01/2017 -> 31/12/2017
Tiền vay ngân hàng	322.591.329.433	269.089.982.072
Cộng	322.591.329.433	269.089.982.072

4. Tiền chi trả nợ gốc vay

	Từ 01/01/2018-> 31/12/2018	Từ 01/01/2017 -> 31/12/2017
Tiền vay ngân hàng	260.291.019.493	265.750.660.563
Cộng	260.291.019.493	265.750.660.563

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Báo cáo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Tập đoàn có các bộ phận kinh doanh chính phân chia theo các lĩnh vực chính dưới sự quản lý của Tập đoàn, cụ thể như sau:

- Kinh doanh các sản phẩm lâm sản và dịch vụ lâm nghiệp: bao gồm sản xuất chế biến, mua bán lâm sản, trồng rừng, các sản phẩm và sản phẩm dịch vụ liên quan đến rừng trồng;
- Kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp và các dịch vụ đi kèm;
- Dịch vụ truyền hình cáp và các dịch vụ đi kèm;
- Đầu tư tài chính: Đầu tư vào các công ty liên doanh liên kết và các doanh nghiệp khác có hoạt động kinh doanh phù hợp với hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty.

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Sản phẩm làm sản và dịch vụ lâm nghiệp	Hạ tầng Cụm Công nghiệp	Truyền hình cáp	Đầu tư tài chính	Phần theo dõi và quản lý chung	Cộng
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	524.350.493.583	15.316.292.837	31.913.133.827			571.579.920.247
Doanh thu hoạt động tài chính và lợi nhuận từ công ty liên kết	1.337.006.260	1.223.725.353	6.554.870	9.484.732.649	213.484.137	12.265.503.269
Thu nhập khác	1.201.289.967	54.132.426	35.970.487			1.291.392.880
Tổng doanh thu và thu nhập khác	526.888.789.810	16.594.150.616	31.955.659.184	9.484.732.649	213.484.137	585.136.816.396
Giá vốn hàng bán	442.535.342.678	7.204.359.344	14.958.797.755			464.698.499.777
Chi phí bán hàng	38.697.194.135		1.633.868.590			40.331.062.725
Chi phí quản lý doanh nghiệp	17.748.764.129	2.702.562.872	6.971.258.945	237.183.255		27.659.769.201
Chi phí tài chính	2.288.778.025	0	731.664.376	0	2.121.599.150	5.142.041.551
Chi phí khác	945.591.956	56.042.739	168.798.731			1.170.433.426
Chi phí phân bổ trực tiếp của bộ phận	502.215.670.923	9.962.964.955	24.464.388.397	237.183.255		536.880.207.530
Chi phí được theo dõi chung của các bộ phận					2.121.599.150	2.121.599.150
Tổng chi phí	502.215.670.923	9.962.964.955	24.464.388.397	237.183.255	2.121.599.150	539.001.806.680
Tổng lợi nhuận trước thuế TNDN	24.673.118.887	6.631.185.661	7.491.270.787	9.247.549.394	-1.908.115.013	46.135.009.716
Tổng chi phí khấu hao TSCD và bất động sản đầu tư	5.465.945.536	3.676.726.891	4.141.163.397			13.283.835.824
Tổng chi phí phát sinh để mua TSCD	228.463.636	0	0			228.463.636
Tài sản phân bổ trực tiếp của bộ phận	241.792.337.194	126.037.652.783	24.353.147.558	184.713.931.855		576.897.069.390
Tài sản được theo dõi và quản lý chung					36.900.395.086	36.900.395.086
Tổng tài sản	241.792.337.194	126.037.652.783	24.353.147.558	184.713.931.855	36.900.395.086	613.797.464.476

2. Thông tin khác

Bình Định, ngày 28 tháng 01 năm 2019


Nguyễn Ngọc Minh
Kế toán tổng hợp

Nguyễn Hoàng Lam
Kế toán trưởngĐông Thị Anh
Tổng Giám đốc